TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 3 - 2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Quốc Định

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bạch Đình Ca;

2. Ông Nguyễn Hồng Khanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tạ Thị Ngọc Điệp, Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:* Ông Trần Đình Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Bà H M Byă, sinh năm 1985; Địa chỉ: Buôn H, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

** Bị đơn:* Ông Y K Hmŏk, sinh năm 1986; Địa chỉ: Buôn H, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà H M Byă trình bày:*

Bà H M Byă (nguyên đơn) và ông Y K Hmŏk (bị đơn) tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 27/6/2006.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Y Khêč hay nhậu nhẹt say xỉn, về nhà đánh đập vợ con nên bà H M Byă đã phải về nhà mẹ từ năm 2010 đến nay không thể đoàn tụ. Các bên đã nhiều lần thỏa thuận với nhau và hòa giải nhưng không thành. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng

không hạnh phúc, không có tình yêu thương, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H M Byă yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với ông Y Khêč Hmŏk.

Về con chung: Bà H M Byă và ông Y K Hmŏk có 02 con chung: H L Byă, sinh ngày 06/10/2007 và Y R Byă, sinh ngày 02/9/2009. Hiện nay các con chung đang ở với bà H M. Nguyện vọng của bà H M muốn được nuôi cả 02 con chung. Yêu cầu ông Y K Hmŏk cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu là 500.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Theo bản tự khai và biên bản hòa giải bị đơn ông Y K Hmŏk trình bày:

Về quan hệ hôn nhân đúng như lời trình bày của nguyên đơn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và quan điểm vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung. Ông Y K Hmŏk có uống rượu và đánh đập bà H M Byă nên bà H M đưa 02 con đã bỏ về nhà mẹ từ năm 2010 đến nay không thể đoàn tụ.

Về con chung: Bà H M Byă và ông Y K Hmŏk có 02 con chung: H L Byă, sinh ngày 06/10/2007 và Y R Byă, sinh ngày 02/9/2009. Nguyện vọng của 02 con chung muốn ở với mẹ là bà H M thì ông Y K Hmŏk đồng ý. Ông Y K Hmŏk đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu là 500.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn. Về con chung giao cháu H L Byă, sinh ngày 06/10/2007 và Y R Byă, sinh ngày 02/9/2009 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi đủ tuổi thành niên. Ông Y K Hmŏk có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu là 500.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào lời khai của các đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa

án giải quyết ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con với bị đơn nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn ông Y K Hmŏk có địa chỉ nơi cư trú tại Buôn H, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 27/6/2006 nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, bà H M Byă và ông Y K Hmŏk chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xô xát với nhau, không tìm được tiếng nói chung. Ông Y K Hmŏk có uống rượu và đánh đập bà H M Byă nên bà H M đưa 02 con đã bỏ về nhà mẹ từ năm 2010 đến nay không thể đoàn tụ. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết vụ án bà H M Byă và ông Y K Hmŏk đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn với nhau nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là H L Byă, sinh ngày 06/10/2007 và Y R Byă, sinh ngày 02/9/2009, hiện tại các cháu đang ở với nguyên đơn. Xét thấy nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 500.000 đồng/tháng/01 cháu. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81, khoản 1 Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự, giao cháu H L Byă và cháu Y R Byă cho nguyên đơn bà H M Byă trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Y K Hmŏk có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu là 500.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do nguyên đơn thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn giảm án phí nên nguyên đơn được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 55, 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27, khoản 2 Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H M Byă.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà H M Byă với ông Y K Hmŏk.

2. Về con chung: Giao cháu H L Byă, sinh ngày 06/10/2007 và Y R Byă, sinh ngày 02/9/2009 cho bà H M Byă trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên. Vì lợi ích của con và theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Y K Hmŏk có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H L Byă và Y R Byă mỗi cháu là 500.000 đồng/tháng, kể từ ngày từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

4. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà H M Byă được miễn tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bị đơn ông Y K Hmŏk phải chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi Cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quốc Định